

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2025/CV-MASHCM
V/v công bố thông tin điện tử Báo cáo tài chính
năm 2024

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia Việt Nam**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin: Kang Moon Kyung – Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Loại thông tin công bố: 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☐ định kỳ ☒

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính năm 2024 và giải trình chênh lệch lợi nhuận

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 31/3/2025 tại đường dẫn như sau:

<https://www.masvn.com/cate/bao-cai-tai-chinh-11>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Thay mặt Công ty Cổ phần Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)
Tổng Giám Đốc



KANG MOON KYUNG





**Công ty Cổ phần Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
	121/GP-UBCK	ngày 8 tháng 1 năm 2016
	130/GP-UBCK	ngày 24 tháng 11 năm 2021
	14/GPĐC-UBCK	ngày 11 tháng 3 năm 2024
Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.		

Hội đồng Quản trị	Ông Kang Moon Kyung	Chủ tịch
	Ông Huh Hong Suk	Thành viên
	Ông Rhee Jung Ho	Thành viên
Ban Kiểm soát	Ông Oh Eun Sang	Trưởng ban (từ ngày 27 tháng 5 năm 2024)
	Ông Ko Young Man	Trưởng ban (đến ngày 26 tháng 5 năm 2024)
	Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên (từ ngày 13 tháng 3 năm 2024)
	Bà Mai Diệu Trúc	Thành viên (từ ngày 13 tháng 3 năm 2024)
	Bà Dương Tuyết Mai	Thành viên (đến ngày 12 tháng 3 năm 2024)
	Bà Ngô Thị Trúc Linh	Thành viên (đến ngày 12 tháng 3 năm 2024)
Ban Giám đốc	Ông Kang Moon Kyung	Tổng Giám đốc
Người đại diện theo pháp luật	Ông Kang Moon Kyung	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

2-01
HÁ
TY
PM
Ồ H

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210, Thông tư 334 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 61.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2024.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00489-25-1



Hà Vũ Định
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		22.636.207.328.773	19.639.422.039.208
I Tài sản tài chính (“TSTC”)	110		22.566.244.099.010	19.549.444.298.470
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	767.855.659.758	3.388.477.827.221
1.1 Tiền	111.1		287.855.659.758	38.477.827.221
1.2 Các khoản tương đương tiền	111.2		480.000.000.000	3.350.000.000.000
2 Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)	112	7(a)	1.256.624.358.477	408.119.235.111
3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)	113	7(b)	850.000.000.000	880.000.000.000
4 Các khoản cho vay	114	7(d)	19.181.527.546.801	14.672.891.700.636
5 TSTC sẵn sàng để bán (“AFS”)	115	7(c)	323.724.062.379	262.154.027.074
6 Dự phòng suy giảm giá trị TSTC và tài sản thế chấp	116	8	(127.288.943.700)	(127.288.943.700)
7 Các khoản phải thu	117	9	273.568.464.054	44.047.149.627
7.1 Phải thu từ bán TSTC	117.1		253.903.238.000	508.370.000
7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	117.2		19.665.226.054	43.538.779.627
7.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		19.665.226.054	43.538.779.627
8 Trả trước cho người bán ngắn hạn	118		15.516.916.962	12.224.165.432
9 Phải thu các dịch vụ cung cấp	119		4.977.924.585	4.628.849.503
12 Các khoản phải thu khác	122		19.738.109.694	4.190.287.566
II Tài sản ngắn hạn khác	130		69.963.229.763	89.977.740.738
1 Tạm ứng	131		276.956.405	137.773.610
3 Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10(a)	28.673.892.649	48.827.586.419
4 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		200.000	200.000
7 Tài sản ngắn hạn khác	137	11	41.012.180.709	41.012.180.709

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250)	200		103.353.072.165	344.338.714.788
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		572.618.000	250.572.618.000
2 Các khoản đầu tư	212		572.618.000	250.572.618.000
2.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	212.1	7(b)	-	250.000.000.000
2.4 Đầu tư dài hạn khác	212.4	12	572.618.000	572.618.000
II Tài sản cố định	220		47.008.109.769	42.449.596.192
1 Tài sản cố định hữu hình	221	13	23.922.674.999	23.655.850.595
Nguyên giá	222		66.689.374.658	57.562.914.418
Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(42.766.699.659)	(33.907.063.823)
2 Tài sản cố định vô hình	227	14	23.085.434.770	18.793.745.597
Nguyên giá	228		55.548.584.750	43.283.221.097
Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(32.463.149.980)	(24.489.475.500)
V Tài sản dài hạn khác	250		55.772.344.396	51.316.500.596
1 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15	13.067.871.374	11.644.340.874
2 Chi phí trả trước dài hạn	252	10(b)	12.582.285.010	11.879.518.514
4 Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	254	17	20.000.000.000	17.690.764.818
5 Tài sản dài hạn khác	255	18	10.122.188.012	10.101.876.390
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		22.739.560.400.938	19.983.760.753.996

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
C	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		13.194.161.236.952	10.286.605.466.521
I	Nợ phải trả ngắn hạn	310		13.171.438.536.047	10.272.022.307.301
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	19	12.242.624.500.000	9.718.288.000.000
1.1	<i>Vay ngắn hạn</i>	312		12.242.624.500.000	9.718.288.000.000
8	Phải trả người bán ngắn hạn	320		356.333.738.246	5.645.786.021
9	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		50.000.000	50.000.000
10	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	20	100.471.014.900	80.528.957.025
12	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		412.110.264	338.152.700
13	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	21	234.088.899.026	157.388.987.686
15	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		44.818.182	44.818.182
17	Các khoản phải trả khác ngắn hạn	329	22	237.413.455.429	309.737.605.687
II	Nợ phải trả dài hạn	340		22.722.700.905	14.583.159.220
12	Dự phòng phải trả dài hạn	354		6.278.307.076	5.737.544.736
14	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	356	16	16.444.393.829	8.845.614.484
D	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.545.399.163.986	9.697.155.287.475
I	Vốn chủ sở hữu	410		9.545.399.163.986	9.697.155.287.475
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	23	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
1.1	<i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	411.1		6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411.1a		5.455.500.000.000	5.455.500.000.000
	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411.1b		1.135.000.000.000	1.135.000.000.000
2	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	412		70.800.220.977	39.944.192.733
7	Lợi nhuận chưa phân phối	417		2.884.098.943.009	3.066.711.094.742
7.1	<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	417.1		2.862.962.881.981	3.069.793.277.084
7.2	<i>Lãi/(lỗ) chưa thực hiện</i>	417.2		21.136.061.028	(3.082.182.342)
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)		440		22.739.560.400.938	19.983.760.753.996

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Mã số	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
A. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA CÔNG TY			
8 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) của Công ty	008	802.299.980.000	157.016.060.000
9 Chứng khoán đang lưu ký tại VSDC và chưa được giao dịch	009	3.380.000	1.680.000
12 TSTC chưa lưu ký tại VSDC	012	213.018.150.100	198.462.950.000
13 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	013	200.000.000	250.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
1 TSTC niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư	021	38.318.872.181.000	35.642.949.490.000
<i>a. TSTC giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	<i>021.1</i>	<i>36.241.250.911.000</i>	<i>32.787.211.820.000</i>
<i>b. TSTC hạn chế chuyển nhượng</i>	<i>021.2</i>	<i>161.610.370.000</i>	<i>323.704.780.000</i>
<i>c. TSTC giao dịch cầm cố</i>	<i>021.3</i>	<i>1.067.493.180.000</i>	<i>1.202.232.030.000</i>
<i>d. TSTC phong tỏa</i>	<i>021.4</i>	<i>362.667.300.000</i>	<i>362.667.300.000</i>
<i>e. TSTC chờ thanh toán</i>	<i>021.5</i>	<i>485.850.420.000</i>	<i>967.133.560.000</i>
2 TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	022	165.362.480.000	429.109.770.000
<i>a. TSTC đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	<i>022.1</i>	<i>165.362.480.000</i>	<i>429.109.770.000</i>
6 Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư	025	611.863.430.000	210.702.440.000
7 Tiền gửi của nhà đầu tư	026	2.466.810.202.560	4.431.823.846.315
7.1 Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	027	1.466.183.834.730	3.285.323.142.515
7.3 Tiền tổng hợp giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư	028	1.000.626.367.830	1.146.500.703.800

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B01 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Mã số	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
8 Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031	2.466.810.202.560	4.431.823.846.315
8.1 Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031.1	2.047.166.795.656	3.016.608.325.623
8.2 Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý	031.2	419.643.406.904	1.415.215.520.692

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Ông Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã Thuyết số minh	2024 VND	2023 VND
I	DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
1.1	Lãi từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	01	200.236.136.797	142.496.526.455
	<i>a. Lãi bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.1 25(a)</i>	<i>162.854.410.898</i>	<i>121.715.501.556</i>
	<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.2 25(b)</i>	<i>25.690.005.563</i>	<i>14.009.493.766</i>
	<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>01.3 25(c)</i>	<i>11.691.720.336</i>	<i>6.771.531.133</i>
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư HTM	02 25(c)	134.751.768.886	291.766.218.572
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03 25(c)	1.554.327.580.539	1.434.405.112.876
1.4	Lãi từ tài sản tài chính AFS	04 25(c)	481.648.013	739.629.500
1.6	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06 25(d)	600.332.364.972	586.058.734.285
1.7	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07 25(d)	-	4.000.000.000
1.8	Doanh thu tư vấn nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	08 25(d)	10.659.908.733	7.949.010.456
1.9	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09 25(d)	26.362.556.163	21.847.834.275
1.11	Thu nhập hoạt động khác	11 25(d)	7.445.794.042	8.531.551.258
	Cộng doanh thu hoạt động	20	2.534.597.758.145	2.497.794.617.677
II	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
2.1	Lỗ từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL	21	116.456.418.860	107.722.731.361
	<i>a. Lỗ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>21.1 25(a)</i>	<i>114.984.656.667</i>	<i>101.244.805.034</i>
	<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL</i>	<i>21.2 25(b)</i>	<i>1.471.762.193</i>	<i>6.477.926.327</i>
2.4	Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24 26	782.849.249.287	919.595.721.174
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26	-	10.939.349.618
2.7	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27 27	599.547.797.917	588.642.813.421
2.10	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	29.250.505.612	24.829.647.958
2.12	Chi phí khác	33	1.225.000	230.527
	Cộng chi phí hoạt động	40	1.528.105.196.676	1.651.730.494.059
VI	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62 28	185.339.549.934	123.754.507.684
VII	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 - 62)	70	821.153.011.535	722.309.615.934

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B02 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

		Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
VIII	THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1	Thu nhập khác	71		391.886.583	288.603.327
8.2	Chi phí khác	72		735.739	566.035
	Kết quả hoạt động khác	80		391.150.844	288.037.292
IX	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		821.544.162.379	722.597.653.226
9.1	Lợi nhuận đã thực hiện	91		797.325.919.009	715.066.085.787
9.2	Lợi nhuận chưa thực hiện	92		24.218.243.370	7.531.567.439
X	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	100	29	162.556.314.112	156.287.257.943
10.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		162.671.541.828	143.856.693.117
10.2	(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		(115.227.716)	12.430.564.826
XI	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		658.987.848.267	566.310.395.283
XII	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		30.856.028.244	17.553.463.660
12.1	Lãi đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	301		30.856.028.244	17.553.463.660
	Lãi đánh giá lại các tài sản tài chính AFS – góp			38.570.035.305	21.941.829.575
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS			7.714.007.061	4.388.365.915
	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN (400 = 300)	400		30.856.028.244	17.553.463.660

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:

Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Ông Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính

Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế TNDN	01	821.544.162.379	722.597.653.226
2 Điều chỉnh cho các khoản	02	690.935.059.788	670.541.714.932
Khấu hao và phân bổ	03	16.833.310.316	13.115.970.995
Các khoản dự phòng	04	-	62.288.943.700
Chi phí lãi	06	693.766.975.526	638.675.579.864
Dự thu tiền lãi	08	(19.665.226.054)	(43.538.779.627)
3 Tăng các chi phí phi tiền tệ	10	1.471.762.193	6.477.926.327
Lỗi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	11	1.471.762.193	6.477.926.327
4 Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18	(25.690.005.563)	(14.009.493.766)
Lãi từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL	19	(25.690.005.563)	(14.009.493.766)
5 Thay đổi của vốn lưu động	30	(5.763.399.853.011)	(1.022.715.176.773)
Tăng các TSTC ghi nhận theo FVTPL	31	(824.286.879.996)	(325.701.758.267)
Giảm các khoản đầu tư HTM	32	280.000.000.000	1.115.424.300.000
Tăng các khoản cho vay	33	(4.508.635.846.165)	(1.074.392.143.961)
(Tăng)/giảm các tài sản tài chính AFS	34	(30.714.007.061)	46.331.134.085
Tăng thu từ bán tài sản tài chính	35	(253.394.868.000)	(488.111.000)
Giảm thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ TSTC	36	43.538.779.627	67.432.465.775
Tăng các khoản phải thu các dịch vụ cung cấp	37	(349.075.082)	(1.405.526.721)
Tăng các khoản phải thu khác	39	(18.979.756.453)	(6.278.542.445)
Tăng các tài sản khác	40	(3.753.077.304)	(7.910.625.180)
Tăng/(giảm) chi phí phải trả	41	45.752.861.103	(78.306.651.672)
Tăng/(giảm) chi phí trả trước	42	19.450.927.274	(5.430.435.923)
Thuế TNDN đã nộp	43	(151.301.624.683)	(144.080.014.518)
Tiền lãi vay đã trả	44	(662.819.925.289)	(630.608.695.536)
Tăng/(giảm) phải trả người bán	45	342.714.277.745	(428.116.013)
Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46	73.957.564	63.205.760
Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	47	8.572.140.730	(16.367.057.976)
(Giảm)/tăng phải trả khác	50	(49.267.737.021)	39.431.396.819
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60	(4.275.138.874.214)	362.892.623.946

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61	(13.418.149.413)	(21.393.939.876)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70	(13.418.149.413)	(21.393.939.876)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	73	40.590.039.875.881	35.094.137.473.250
Tiền chi trả nợ gốc vay	74	(38.065.703.375.881)	(34.481.399.473.250)
Cổ tức	76	(856.401.643.836)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80	1.667.934.856.164	612.738.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)	90	(2.620.622.167.463)	954.236.684.070
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	101	3.388.477.827.221	2.434.241.143.151
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101) (Thuyết minh 5)	103	767.855.659.758	3.388.477.827.221
▪ Tiền	103.1	287.855.659.758	38.477.827.221
▪ Các khoản tương đương tiền	103.2	480.000.000.000	3.350.000.000.000



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B03 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

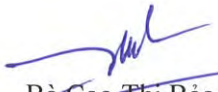
	Mã số	2024 VND	2023 VND
Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	220.224.006.676.538	204.469.993.995.391
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(221.164.163.129.096)	(198.240.161.738.654)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	364.857.694.492.859	341.041.264.843.049
<i>(Chi)/nhận tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC</i>	07.1	<i>(893.337.965.174)</i>	<i>1.048.273.207.169</i>
Chi trả phí thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08	(365.882.551.684.056)	(345.952.885.041.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	20	(1.965.013.643.755)	1.318.212.058.444
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng			
Tiền gửi ngân hàng đầu năm	31	4.431.823.846.315	3.113.611.787.871
▪ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	32	<i>3.285.323.142.515</i>	<i>1.906.440.727.761</i>
▪ <i>Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng</i>	34	<i>1.146.500.703.800</i>	<i>1.207.171.060.110</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40	2.466.810.202.560	4.431.823.846.315
Tiền gửi ngân hàng cuối năm			
▪ <i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty quản lý</i>	42	<i>1.466.183.834.730</i>	<i>3.285.323.142.515</i>
▪ <i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	44	<i>1.000.626.367.830</i>	<i>1.146.500.703.800</i>

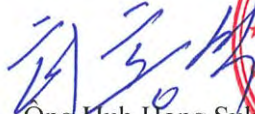
Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng


Ông Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính


Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B04 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

	Số dư tại ngày		Biến động trong năm kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	1/1/2023	1/1/2024	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2023	31/12/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vốn cổ phần	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000	-	-	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	22.390.729.073	39.944.192.733	17.553.463.660	30.856.028.244	39.944.192.733	70.800.220.977
Lợi nhuận chưa phân phối	2.579.850.699.459	3.066.711.094.742	486.860.395.283	(182.612.151.733)	3.066.711.094.742	2.884.098.943.009
Trong đó:						
- Lợi nhuận đã thực hiện	2.590.464.449.240	3.069.793.277.084	558.778.827.844	634.769.604.897	3.069.793.277.084	2.862.962.881.981
- (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(10.613.749.781)	(3.082.182.342)	7.531.567.439	24.218.243.370	(3.082.182.342)	21.136.061.028
- Chia cổ tức	-	-	(79.450.000.000)	(841.600.000.000)	-	-
Tổng cộng	9.192.741.428.532	9.697.155.287.475	504.413.858.943	(151.756.123.489)	9.697.155.287.475	9.545.399.163.986

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng

Người soát xét:


Ông Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Cơ sở thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 56/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 7 năm 2007. Giấy phép Thành lập và Hoạt động của Công ty đã được sửa đổi nhiều lần, lần sửa đổi gần nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động Điều chỉnh số 14/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 3 năm 2024 được cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

(b) Vốn cổ phần của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, vốn cổ phần của Công ty là 6.950.500 triệu VND.

(c) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

(d) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(e) Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 598 nhân viên (1/1/2024: 577 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

10/11/2024
NHIỆM VỤ
CHẾ ĐỘ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các công cụ tài chính được phân loại là tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính ghi nhận theo FVTPL và tài sản tài chính AFS được đo lường theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý như được trình bày tại Thuyết minh (3d) và Thuyết minh (3h), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm, ngoại trừ các giao dịch đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của công ty chứng khoán và tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Công ty. Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản của Công ty.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



(c) Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”): xem Thuyết minh 3(d);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: xem Thuyết minh 3(e);
- Các khoản cho vay và phải thu: xem Thuyết minh 3(f) và 3(g); và
- Các tài sản tài chính AFS: xem Thuyết minh 3(h).

Công ty phân loại tất cả các khoản nợ phải trả tài chính là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một TSTC khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ TSTC này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ TSTC này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu TSTC này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cẩn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cẩn trừ và số dư thuần được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cẩn trừ các khoản mục với số tiền thuần được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(d) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

TSTC ghi nhận theo FVTPL là một TSTC thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- TSTC được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. TSTC được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp TSTC vào nhóm TSTC ghi nhận theo FVTPL.

Các TSTC ghi nhận theo FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu các TSTC này được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (khi không có giá thị trường) và thay đổi trong giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được ghi nhận vào phần lãi/lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên Thị trường của Công ty Đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá đóng cửa tại sàn UPCOM vào ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, giá thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế tại ngày gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng không quá một tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan với Công ty. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá theo giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá.

Đối với các loại chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch từ ngày thứ sáu trở đi, giá trị hợp lý là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.

Đối với chứng chỉ quỹ mở, giá thị trường là giá trị tài sản ròng của quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được quỹ công bố.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

Dự phòng phải thu khó đòi được xác định bằng các tham khảo tình trạng quá hạn như sau:

<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ trích lập dự phòng</i>
Từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các tổn thất có thể xảy ra cho các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản phải thu này.

(h) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tài sản tài chính AFS là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư HTM; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo FVTPL.

Các tài sản tài chính AFS bao gồm cổ phiếu chưa niêm yết và chứng chỉ quỹ. Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS so với năm trước được thể hiện trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán” thuộc phần “Thu nhập toàn diện khác” trên báo cáo kết quả hoạt động và “Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý” trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính AFS tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm được xác định như sau:

- Cổ phiếu chưa niêm yết: giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu của ba (3) công ty chứng khoán không phải là bên có liên quan của Công ty;
- Chứng chỉ quỹ: giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên một đơn vị chứng chỉ quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(i) Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn của Công văn số 6190/BTC-CDKT do Bộ Tài chính ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2017, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai không bị dùng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Lãi/(lỗ) bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL”.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ tự doanh phái sinh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL”.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh của hợp đồng tương lai được ghi nhận và trình bày tại khoản mục “Tài sản dài hạn khác” trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động tại khoản mục “Doanh thu môi giới chứng khoán”.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính tại khoản mục “Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư” và “Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD”.

(j) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

100%
C
CC
YAN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ thiết bị văn phòng	4 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	5 năm

(k) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí thành viên câu lạc bộ golf

Phí thành viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 năm.

(ii) Chi phí cải tạo văn phòng

Chi phí cải tạo văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định pháp luật hiện hành. Các khoản mục này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(iv) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ trên 1 đến 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Dự phòng

Ngoại trừ các khoản dự phòng được trình bày tại các thuyết minh khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận là một khoản chi phí/thu nhập ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phản ánh theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

01-
NH
TNH
IG
CH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi không được đơn vị mua lại được phân loại là vốn chủ sở hữu do cổ phiếu này có mức cổ tức tùy theo quyết định của Công ty, không có nghĩa vụ chuyển giao tiền hay tài sản tài chính khác và không có yêu cầu phải thanh toán bằng một số lượng có thể thay đổi công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty. Do đó, cổ tức tùy theo quyết định của Công ty được ghi nhận là phân phối vốn chủ sở hữu theo nghị quyết của các cổ đông của Công ty.

(q) Các quỹ dự trữ bắt buộc

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC (“Thông tư 114”) thay thế Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”) do Bộ Tài chính ban hành nhằm hướng dẫn về chế độ tài chính áp dụng đối với các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022. Theo đó, Công ty đã ngừng phân bổ lợi nhuận đã thực hiện vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính từ năm 2022. Theo Thông tư 114:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 sẽ được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”) và các quy định có liên quan khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 có thể được dùng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Luật Chứng khoán và các quy định có liên quan khác.

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2022, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt việc hoàn nhập số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính vào lợi nhuận chưa phân phối.

(r) Doanh thu

(i) Lãi từ bán các TSTC

Lãi từ bán các TSTC được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty nhận được thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”) (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các TSTC

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Công ty được xác lập. Công ty không ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu là một khoản thu nhập.

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập tiền lãi cũng bao gồm số phân bổ các khoản chiết khấu, phụ trội, các khoản lãi nhận trước hoặc các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ ban đầu của công cụ nợ và giá trị danh nghĩa của công cụ nợ khi đáo hạn.



(iii) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu môi giới chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

(iv) Doanh thu tư vấn đầu tư tài chính

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(v) Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ được cung cấp.

(s) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Chi phí lãi vay liên quan đến các khoản cho vay được ghi nhận ở chi tiêu “Chi phí dự phòng các khoản cho vay và phải thu và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính của năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

(w) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư được quy định trong Thông tư 334 mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng tiền bán chứng khoán cho khách hàng và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Tài sản đảm bảo

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Công ty ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Công ty. Công ty theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	767.855.659.758	3.388.473.747.721
Các TSTC ghi nhận theo FVTPL (ii)	897.143.210.477	212.062.939.500
Các khoản đầu tư HTM – ngắn hạn (i)	850.000.000.000	880.000.000.000
Các khoản cho vay – gộp (iii)	19.181.527.546.801	14.672.891.700.636
Các khoản phải thu (iii)	273.568.464.054	44.047.149.627
Phải thu các dịch vụ cung cấp (iii)	4.977.924.585	4.628.849.503
Các khoản phải thu khác (iii)	19.738.109.694	4.190.287.566
Tạm ứng (iii)	276.956.405	137.773.610
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (iii)	200.000	200.000
Tài sản ngắn hạn khác (iv)	41.012.180.709	41.012.180.709
Các khoản đầu tư HTM – dài hạn (i)	-	250.000.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn (iii)	13.067.871.374	11.644.340.874
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán (iv)	20.000.000.000	17.690.764.818
Tài sản dài hạn khác (iv)	10.122.188.012	10.101.876.390
	22.079.290.311.869	19.536.881.810.954

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư HTM**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư HTM của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận theo FVTPL

Công ty giới hạn các mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao, chủ yếu là chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu chính phủ. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của các TSTC này là không đáng kể.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện tín dụng chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm.

Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Công ty theo dõi giá thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá thị trường của tài sản đảm bảo khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay, các khoản phải thu và các tài sản khác mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến các khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Bảng phân tích tuổi nợ của tài sản tài chính bị tổn thất như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 1 đến 2 năm	-	127.288.943.700
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ quá hạn từ 2 đến 3 năm	127.288.943.700	-
	<u>127.288.943.700</u>	<u>127.288.943.700</u>

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và các tài sản khác

Đây là các khoản tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh, tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh theo các quy định có liên quan của VSD. Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của các khoản tiền ký quỹ này là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ phải trả tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	12.242.624.500.000	12.242.624.500.000	12.242.624.500.000
Phải trả người bán	356.333.738.246	356.333.738.246	356.333.738.246
Chi phí phải trả ngắn hạn	186.630.399.026	186.630.399.026	186.630.399.026
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	237.413.455.429	237.413.455.429	237.413.455.429
	13.023.002.092.701	13.023.002.092.701	13.023.002.092.701

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Vay ngắn hạn	9.718.288.000.000	9.718.288.000.000	9.718.288.000.000
Phải trả người bán	5.645.786.021	5.645.786.021	5.645.786.021
Chi phí phải trả ngắn hạn	95.201.735.365	95.201.735.365	95.201.735.365
Các khoản phải trả khác ngắn hạn	309.737.605.687	309.737.605.687	309.737.605.687
	10.128.873.127.073	10.128.873.127.073	10.128.873.127.073

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với bên cho vay hiện tại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Công ty chịu rủi ro tỷ giá hối đoái từ các khoản vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (“USD”). Công ty thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với những khoản vay có gốc ngoại tệ thông qua việc ký kết các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ và hợp đồng hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng thương mại.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có các khoản nợ phải trả và cam kết kỳ hạn tiền tệ chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	USD	Tương đương VND	USD	Tương đương VND
Vay ngắn hạn	435.000.000	10.887.780.000.000	375.000.000	8.987.288.000.000

Bao gồm trong các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, Công ty đã sử dụng công cụ tài chính phái sinh là các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ để cố định tỷ giá của một số khoản vay với tổng số dư nợ gốc là 435.000.000 USD (1/1/2024: 375.000.000 USD). Do đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2024, rủi ro tiền tệ của Công ty được coi là không đáng kể.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	767.855.659.758	3.388.464.655.379
Các khoản đầu tư HTM – ngắn hạn	850.000.000.000	880.000.000.000
Các khoản cho vay – thuần	19.054.238.603.101	14.545.602.756.936
Tài sản ngắn hạn khác	41.012.180.709	41.012.180.709
Các khoản đầu tư HTM – dài hạn	-	250.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	20.000.000.000	17.690.764.818
Tài sản dài hạn khác	10.122.188.012	10.101.876.390
Vay ngắn hạn	(1.354.844.500.000)	(731.000.000.000)
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Vay ngắn hạn	(10.887.780.000.000)	(8.987.288.000.000)

Phân tích độ nhạy của các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi

Trong năm 2024, tỷ lệ biến động giữa lãi suất cao nhất và thấp nhất là xấp xỉ 1,10% (2023: tỷ lệ biến động giữa lãi suất cao nhất và thấp nhất là xấp xỉ 2,40%). Nếu lãi suất tăng hoặc giảm 1,10% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 2,40%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận thuần của Công ty sẽ giảm hoặc tăng tương ứng là 95.812.464.000 VND (1/1/2024: 172.555.929.600 VND).

(iii) *Rủi ro thị trường khác*

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty.

TSTC ghi nhận theo FVTPL của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tổng Giám đốc quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, ảnh hưởng rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là không đáng kể vì Công ty nắm giữ danh mục TSTC ghi nhận theo FVTPL không trọng yếu.

(e) *Giá trị hợp lý*

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá tại ngày đo lường.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại báo cáo tình hình tài chính, như sau:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là TSTC ghi nhận theo FVTPL:</i>				
▪ TSTC ghi nhận theo FVTPL				
- Cổ phiếu niêm yết	97.670.382.135	97.670.382.135	29.481.536.746	29.481.536.746
- Cổ phiếu chưa niêm yết	5.593.865	5.593.865	5.593.865	5.593.865
- Chứng chỉ tiền gửi	100.622.941.477	100.622.941.477	212.062.939.500	212.062.939.500
- Trái phiếu	796.520.269.000	796.520.269.000	-	-
- Chứng chỉ quỹ	261.805.172.000	261.805.172.000	166.569.165.000	166.569.165.000
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	767.855.659.758	767.855.659.758	3.388.477.827.221	3.388.477.827.221
▪ Các khoản cho vay – thuần	19.054.238.603.101	19.054.238.603.101	14.545.602.756.936	14.545.602.756.936
▪ Phải thu các dịch vụ cung cấp	4.977.924.585	4.977.924.585	4.628.849.503	4.628.849.503
▪ Các khoản phải thu khác	19.738.109.694	19.738.109.694	4.190.287.566	4.190.287.566
▪ Tạm ứng	276.956.405	276.956.405	137.773.610	137.773.610
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000	200.000	200.000	200.000
▪ Tài sản ngắn hạn khác	41.012.180.709	41.012.180.709	41.012.180.079	41.012.180.079
▪ Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13.067.871.374	(*)	11.644.340.874	(*)
▪ Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	(*)	17.690.764.818	(*)
▪ Tài sản dài hạn khác	10.122.188.012	(*)	10.101.876.390	(*)



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	850.000.000.000	850.000.000.000	880.000.000.000	880.000.000.000
▪ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	-	250.000.000.000	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Vay ngắn hạn	(12.242.624.500.000)	(12.242.624.500.000)	(9.718.288.000.000)	(9.718.288.000.000)
▪ Phải trả người bán ngắn hạn	(356.333.738.246)	(356.333.738.246)	(5.645.786.021)	(5.645.786.021)
▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	(234.088.899.026)	(234.088.899.026)	(157.388.987.686)	(157.388.987.686)
▪ Các khoản phải trả khác	(237.413.455.429)	(237.413.455.429)	(309.737.605.687)	(309.737.605.687)

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính khác của Công ty xấp xỉ giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính/nợ phải trả tài chính này do thời gian đáo hạn ngắn của các công cụ tài chính này.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường của các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của các công cụ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	5.102.000	4.079.500
Tiền gửi ngân hàng	287.842.107.321	38.464.655.379
Tiền gửi bù trừ và thanh toán	8.450.437	9.092.342
Các khoản tương đương tiền (i)	480.000.000.000	3.350.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	767.855.659.758	3.388.477.827.221

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất năm là 2,70% đến 4,60% (1/1/2024: 2,10% đến 4,20%).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm 480 tỷ VND (1/1/2024: 350 tỷ VND) được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 19).

6. Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	2024		2023	
	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện	Giá trị giao dịch thực hiện VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	18.861.562	656.287.742.630	2.696.087	74.257.059.580
Chứng chỉ quỹ	31.497.800	464.776.905.000	11.594.700	114.866.359.000
Chứng chỉ tiền gửi	8.651.658	44.392.173.115.836	21.761.220	4.780.054.134.035
Trái phiếu	206.452.482	31.834.151.670.395	2.092.812	17.878.679.023.505
Hợp đồng tương lai	27.100	3.474.789.038.000	8.498	909.226.741.000
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	20.015.486.972	444.561.086.129.750	20.639.810.024	410.885.209.339.320
Chứng chỉ quỹ	31.011.359	524.489.490.950	47.752.899	499.852.541.920
Trái phiếu	36.006.291	6.126.816.964.163	31.608.506	4.337.470.229.760
Chứng quyền có đảm bảo	325.544.517	446.069.906.660	217.915.810	182.757.771.870
Hợp đồng tương lai	2.508.461	320.951.642.458.000	2.630.272	291.035.740.868.000
	20.676.048.202	853.432.283.421.384	21.074.857.504	752.257.451.143.568

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản tài chính****(a) TSTC ghi nhận theo FVTPL**

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	97.425.791.229	97.670.382.135	36.525.220.106	29.481.536.746
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	5.593.865	5.593.865	5.593.865	5.593.865
Chứng chỉ tiền gửi	100.622.941.477	100.622.941.477	212.062.939.500	212.062.939.500
Trái phiếu	796.520.269.000	796.520.269.000	-	-
Chứng chỉ quỹ	240.913.701.878	261.805.172.000	162.607.663.982	166.569.165.000
	1.235.488.297.449	1.256.624.358.477	411.201.417.453	408.119.235.111

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Tình hình biến động giá trị hợp lý của TSTC ghi nhận theo FVTPL trong năm như sau:

	Số lượng	31/12/2024 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	1/1/2024 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết						
QNS	108.000	5.232.560.000	5.400.000.000	-	-	-
VEA	90.000	3.467.178.824	3.582.000.000	-	-	-
PHR	65.000	3.933.380.000	3.458.000.000	-	-	-
SCS	40.000	3.186.930.000	3.200.000.000	-	-	-
LHG	90.000	3.219.410.000	3.195.000.000	-	-	-
BSR	125.000	2.639.961.538	2.850.000.000	-	-	-
ACB	110.250	2.891.000.000	2.844.450.000	-	-	-
DPR	70.000	3.056.950.000	2.716.000.000	-	-	-
BMP	20.000	2.551.508.000	2.622.000.000	-	-	-
GDA	-	-	-	1.130.000	34.927.272.727	28.476.000.000
Cổ phiếu khác	2.491.656	67.246.912.867	67.802.932.135	59.769	1.597.947.379	1.005.536.746
	3.209.906	97.425.791.229	97.670.382.135	1.189.769	36.525.220.106	29.481.536.746
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Cổ phiếu khác	236	5.593.865	5.593.865	236	5.593.865	5.593.865
Chứng chỉ tiền gửi	6	100.622.941.477	100.622.941.477	200	212.062.939.500	212.062.939.500
Trái phiếu						
Trái phiếu Chính phủ	3.500.000	349.656.500.000	349.656.500.000	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	1.400.300	446.863.769.000	446.863.769.000	-	-	-
	4.900.300	796.520.269.000	796.520.269.000	-	-	-



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

	Số lượng	31/12/2024 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	1/1/2024 Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Chứng chỉ quỹ						
ETF MAFM VN30	7.466.600	119.469.900.259	121.556.248.000	5.236.800	68.835.159.027	70.644.432.000
ETF MAFM VNDIAMOND	4.764.600	59.416.231.914	67.466.736.000	5.088.100	54.726.333.143	55.612.933.000
ETF Kim Growth VNFINSELECT	2.801.000	28.661.478.459	36.693.100.000	2.703.500	27.261.874.472	28.657.100.000
ETF Kim Growth VN30	1.501.200	11.896.992.516	13.465.764.000	1.400.000	10.911.347.950	10.500.000.000
ETF Kim Growth VNDIAMOND	1.023.200	12.726.688.197	12.861.624.000	-	-	-
ETF SSIAM FINLEAD	100.000	1.986.291.144	2.210.000.000	-	-	-
ETF SSIAM VNX50	100.000	1.792.895.000	2.010.000.000	-	-	-
ETF SSIAM VN30	100.000	1.540.710.434	1.670.000.000	-	-	-
ETF FPT CAPITAL VNX50	100.000	993.912.390	1.182.000.000	-	-	-
ETF IPAAM VN100	40.200	321.714.000	341.700.000	-	-	-
ETF VFMVN30	100.000	2.106.887.566	2.348.000.000	-	-	-
ETF FPT CAPITAL VNX50	-	-	-	90.000	872.949.390	1.154.700.000
	18.096.800	240.913.701.878	261.805.172.000	14.518.400	162.607.663.982	166.569.165.000
	26.207.248	1.235.488.297.449	1.256.624.358.477	15.708.605	411.201.417.453	408.119.235.111

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (i)	450.000.000.000	450.000.000.000	780.000.000.000	780.000.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi (ii)	400.000.000.000	400.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
	850.000.000.000	850.000.000.000	880.000.000.000	880.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	-	250.000.000.000	(*)
------------------------------------	---	---	-----------------	-----

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 1 năm và hưởng lãi suất năm từ 4,00% đến 6,10% (1/1/2024: từ 4,20% đến 7,80%).

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm 200 tỷ VND (1/1/2024: 580 tỷ VND) được cầm cố tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm và hưởng lãi suất năm là 5,80% (1/1/2024: 7,20%).

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này.

(c) TSTC sẵn sàng để bán

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch				
SMV	10.516.976.313	17.100.385.500	10.516.976.313	17.100.385.500
Chứng chỉ quỹ				
MAGEF	116.706.809.845	173.285.252.284	96.706.809.845	124.016.178.700
MAFF	100.000.000.000	124.837.200.000	100.000.000.000	116.142.200.000
FVEF	8.000.000.000	8.501.224.595	5.000.000.000	4.895.262.874
	235.223.786.158	323.724.062.379	212.223.786.158	262.154.027.074

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản cho vay

	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay giao dịch ký quỹ (i)	18.255.339.840.298	18.128.050.896.598	13.400.325.556.104	13.273.036.612.404
Ứng trước tiền bán chứng khoán (ii)	926.187.706.503	926.187.706.503	1.272.566.144.532	1.272.566.144.532
	19.181.527.546.801	19.054.238.603.101	14.672.891.700.636	14.545.602.756.936

- (i) Cho vay giao dịch ký quỹ là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, các khoản cho vay này có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày giải ngân theo quy định và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,024%/ngày đến 0,036%/ngày.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và 1 tháng 1 năm 2024, các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất từ 0,024%/ngày đến 0,036%/ngày và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

8. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	127.288.943.700	127.288.943.700	127.288.943.700	127.288.943.700
<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</i>	Tại ngày 31/12/2024			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng tại ngày 1/1/2024 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	127.288.943.700	-	127.288.943.700	-
<i>Năm kết thúc ngày</i>	Tại ngày 31/12/2023			
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng tại ngày 1/1/2023 VND	Dự phòng trích lập trong năm VND
Cho vay giao dịch ký quỹ	127.288.943.700	-	65.000.000.000	62.288.943.700



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản phải thu**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Phải thu từ bán TSTC	253.903.238.000	508.370.000
Dự thu cổ tức, tiền lãi từ các TSTC	19.665.226.054	43.538.779.627
	273.568.464.054	44.047.149.627

10. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí tư vấn khoản vay	15.992.325.504	12.976.343.879
Chi phí bảo lãnh cho các khoản vay	-	25.305.260.845
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	2.744.271.736	1.189.770.828
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	1.555.200.000	1.436.880.000
Chi phí quảng cáo	4.255.947.879	-
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	4.126.147.530	7.919.330.867
	28.673.892.649	48.827.586.419

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí cải tạo văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Phí thành viên câu lạc bộ golf VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.492.170.762	2.946.342.233	769.282.388	3.671.723.131	11.879.518.514
Tăng trong năm	2.338.480.403	4.806.016.552	28.000.000	4.801.463.512	11.973.960.467
Phân bổ trong năm	(3.294.250.848)	(3.117.216.596)	(50.571.656)	(4.809.154.871)	(11.271.193.971)
Số dư cuối năm	3.536.400.317	4.635.142.189	746.710.732	3.664.032.772	12.582.285.010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh	41.012.180.709	41.012.180.709

Theo Quyết định số 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC, Công ty phải ký quỹ bằng khoản tiền hoặc chứng khoán và phải đảm bảo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền tại mọi thời điểm không được thấp hơn tỷ lệ tối thiểu do VSDC quy định.

12. Các khoản đầu tư dài hạn khác

	Tại ngày 31/12/2024 và 1/1/2024			
	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	%	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam	14,99	572.618.000	(*)	-

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.975.873.400	54.587.041.018	57.562.914.418
Tăng trong năm	-	9.126.460.240	9.126.460.240
Số dư cuối năm	2.975.873.400	63.713.501.258	66.689.374.658
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.578.395.558	32.328.668.265	33.907.063.823
Khấu hao trong năm	335.394.684	8.524.241.152	8.859.635.836
Số dư cuối năm	1.913.790.242	40.852.909.417	42.766.699.659
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.397.477.842	22.258.372.753	23.655.850.595
Số dư cuối năm	1.062.083.158	22.860.591.841	23.922.674.999

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 19.908.174.635 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 10.080.615.061 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	43.283.221.097
Tăng trong năm	12.265.363.653
Số dư cuối năm	55.548.584.750
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	24.489.475.500
Khấu hao trong năm	7.973.674.480
Số dư cuối năm	32.463.149.980
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	18.793.745.597
Số dư cuối năm	23.085.434.770

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá là 15.419.799.519 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (1/1/2024: 10.080.615.061 VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

15. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng và ký quỹ khác	13.067.871.374	11.644.340.874



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
▪ Dự phòng phải trả khác	20%	1.255.661.415	1.140.433.699
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
▪ Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS	20%	(17.700.055.244)	(9.986.048.183)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả - thuần		(16.444.393.829)	(8.845.614.484)

17. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2.500 triệu VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	17.690.764.818	15.190.764.818
Tiền nộp thêm trong năm	1.445.484.185	1.853.538.143
Tiền lãi nhận được trong năm	863.750.997	646.461.857
Số dư cuối năm	20.000.000.000	17.690.764.818

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản dài hạn khác**

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSD về quy chế quản lý, sử dụng quỹ bù trừ cho các hoạt động chứng khoán phái sinh, Công ty có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh bằng tiền hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp bằng tiền tối thiểu là 80% trên tổng giá trị tài sản đóng góp Quỹ bù trừ. Mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND đối với thành viên bù trừ trực tiếp, 15 tỷ VND đối với thành viên bù trừ chung.

Biến động tiền nộp Quỹ bù trừ cho các hoạt động giao dịch chứng khoán phái sinh trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	10.101.876.390	10.081.740.127
Tiền lãi phát sinh trong năm	20.311.622	20.136.263
Số dư cuối năm	10.122.188.012	10.101.876.390

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

19. Vay ngắn hạn

	Lãi suất năm	Số dư đầu năm tại ngày 1/1/2024 VND	Vay trong năm VND	Trả trong năm VND	Số dư cuối năm tại ngày 31/12/2024 VND
Vay ngân hàng trong nước (i)	2,20% - 5,50%	583.000.000.000	17.822.659.875.881	(17.218.815.375.881)	1.186.844.500.000
Vay thấu chi ngân hàng (ii)	4,00% - 4,60%	148.000.000.000	11.879.600.000.000	(11.859.600.000.000)	168.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (iii)	5,39% - 6,93%	8.987.288.000.000	10.887.780.000.000	(8.987.288.000.000)	10.887.780.000.000
		9.718.288.000.000	40.590.039.875.881	(38.065.703.375.881)	12.242.624.500.000

- (i) Đây là các khoản vay ngân hàng ngắn hạn trong nước nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm với lãi suất năm dao động từ 2,20% đến 5,50%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 330 tỷ VND (1/1/2024: 580 tỷ VND) (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7(b)).
- (ii) Đây là các khoản vay thấu chi nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, với lãi suất năm dao động từ 4,00% đến 4,60%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay thấu chi này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi có kỳ hạn trị giá 350 tỷ VND (1/1/2024: 350 tỷ VND) (Thuyết minh 7(b)).
- (iii) Đây là khoản vay tín chấp ngắn hạn với các ngân hàng nước ngoài nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm và chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 0,80% đến 1,80%/năm. Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có đảm bảo (“SOFR”) áp dụng cho đồng Đô la Mỹ (“USD”) kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng được niêm yết vào 08:00 giờ sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất SOFR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất SOFR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên (“lãi suất quy đổi”). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.426.877.766	162.671.541.828	(151.301.624.683)	44.796.794.911
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	4.572.516.273	46.128.747.285	(46.741.435.278)	3.959.828.280
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	27.666.429.739	354.588.729.927	(337.254.057.554)	45.001.102.112
Thuế nhà thầu nước ngoài	13.716.187.984	47.656.866.778	(55.264.112.396)	6.108.942.366
Thuế giá trị gia tăng	21.272.727	324.231.990	(309.406.026)	36.098.691
Thuế khác	1.125.672.536	11.576.402.841	(12.133.826.837)	568.248.540
	80.528.957.025	622.946.520.649	(603.004.462.774)	100.471.014.900

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí lãi vay	64.985.126.811	80.973.743.241
Chi phí nhân viên	47.458.500.000	41.500.000.000
Chi phí môi giới chứng khoán	35.804.251.664	20.687.252.321
Chi phí bảo lãnh	60.220.224.800	-
Chi phí giao dịch chứng khoán	14.669.894.165	9.916.098.473
Các chi phí khác	10.950.901.586	4.311.893.651
	234.088.899.026	157.388.987.686



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a- CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	158.900.000.000	173.701.643.836
Phải trả cho Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina – một bên liên quan	75.000.000.000	130.000.000.000
Khác	3.513.455.429	6.035.961.851
	237.413.455.429	309.737.605.687

23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2024 và 1/1/2024 Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	659.050.000	6.590.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	545.550.000	5.455.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (i)	113.500.000	1.135.000.000.000
	659.050.000	6.590.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	545.550.000	5.455.500.000.000
Cổ phiếu ưu đãi (i)	113.500.000	1.135.000.000.000
	659.050.000	6.590.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

- (i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021/NQ-MAS-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ và chào bán cổ phần thêm 113.500.000 cổ phần ưu đãi tương đương 1.135 tỷ VND bằng hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

Căn cứ theo Quyết định số 6268/UBCK-QLKD ngày 13 tháng 10 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Việc tăng vốn điều lệ đã hoàn tất vào ngày 25 tháng 10 năm 2021.

Cổ phiếu ưu đãi có mệnh giá là 10.000 VND. Cổ phiếu ưu đãi không có quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a- CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Cơ cấu cổ đông của Công ty:

	Tại ngày 31/12/2024 và 1/1/2024			
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu ưu đãi	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	544.458.900	99,8%	113.500.000	100,0%
Mirae Asset Global Investment (HK) Limited	545.550	0,1%	-	-
PT Mirae Asset Sekuritas Indonesia	545.550	0,1%	-	-
	545.550.000	100,0%	113.500.000	100,0%

Công ty mẹ, Mirae Asset Securities (HK) Limited, và công ty mẹ cấp cao nhất, Mirae Asset Securities Co., Ltd., được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông ngày 3 tháng 6 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức năm 2022 và năm 2023 với số tiền là 762.150.000.000 VND cho cổ đông phổ thông (tỷ lệ chi trả là 13,97%/cổ phần) (2023: không có).

Tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông số ngày 27 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối cổ tức cố định hàng năm cho cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi là 7% , tương đương với số tiền là 79.450.000.000 VND (2023: 79.450.000.000 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu hoạt động

(a) Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2024	Số lượng bán	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn (*) VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND	Lãi/(lỗ) thuần từ bán chứng khoán VND
Chứng chỉ tiền gửi	5.359.385	22.738.436.555.033	22.702.187.104.355	36.249.450.678	-	36.249.450.678
Cổ phiếu	21.518.250	711.784.939.870	706.189.509.072	13.853.478.742	(8.258.047.944)	5.595.430.798
Chứng chỉ quỹ	46.957.119	144.678.359.848	130.696.433.559	13.981.926.289	-	13.981.926.289
Trái phiếu	72.950.643	15.578.408.592.261	15.570.573.551.795	16.778.341.189	(8.943.300.723)	7.835.040.466
	146.785.397	39.173.308.447.012	39.109.646.598.781	80.863.196.898	(17.201.348.667)	63.661.848.231
Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				81.991.214.000	(97.783.308.000)	(15.792.094.000)
	146.785.397	39.173.308.447.012	39.109.646.598.781	162.854.410.898	(114.984.656.667)	47.869.754.231

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09a- CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2023	Số lượng bán	Tiền thu được VND	Tổng giá vốn (*) VND	Lãi từ bán chứng khoán VND	Lỗ từ bán chứng khoán VND	Lãi/(lỗ) thuần từ bán chứng khoán VND
Cổ phiếu	2.728.752	60.652.314.622	64.557.277.896	7.457.774.151	(11.362.737.425)	(3.904.963.274)
Chứng chỉ tiền gửi	1.585.846	15.283.381.728.266	15.255.222.778.673	28.158.949.593	-	28.158.949.593
Chứng chỉ quỹ	44.683.400	420.209.623.549	418.698.583.061	1.511.040.488	-	1.511.040.488
Trái phiếu	37.130.485	5.624.182.779.425	5.619.244.232.710	8.528.805.324	(3.590.258.609)	4.938.546.715
	86.128.483	21.388.426.445.862	21.357.722.872.340	45.656.569.556	(14.952.996.034)	30.703.573.522
Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh hợp đồng tương lai				76.058.932.000	(86.291.809.000)	(10.232.877.000)
	86.128.483	21.388.426.445.862	21.357.722.872.340	121.715.501.556	(101.244.805.034)	20.470.696.522

(*) Tổng giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán cơ sở và phương pháp thực tế đích danh đối với chứng khoán phái sinh.



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK

*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

(b) Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các TSTC ghi nhận theo FVTPL

2024

	Giá gốc tại ngày 31/12/2024 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2024 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2024 VND	Chênh lệch lãi đánh giá lại trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	97.425.791.229	97.670.382.135	244.590.906	(7.043.683.360)	7.288.274.266
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.593.865	5.593.865	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	240.913.701.878	261.805.172.000	20.891.470.122	3.961.501.018	16.929.969.104
Chứng chỉ tiền gửi	100.622.941.477	100.622.941.477	-	-	-
Trái phiếu Chính phủ	796.520.269.000	796.520.269.000	-	-	-
	1.235.488.297.449	1.256.624.358.477	21.136.061.028	(3.082.182.342)	24.218.243.370

Bao gồm:

- *Lãi từ đánh giá lại* 25.690.005.563
- *Lỗ từ đánh giá lại* (1.471.762.193)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

2023	Giá gốc tại ngày 31/12/2023 VND	Giá trị hợp lý/ giá thị trường tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 1/1/2023 VND	Chênh lệch lãi/(lỗ) đánh giá lại trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	36.525.220.106	29.481.536.746	(7.043.683.360)	(1.274.685.918)	(5.768.997.442)
Cổ phiếu chưa niêm yết	5.593.865	5.593.865	-	-	-
Chứng chỉ quỹ	162.607.663.982	166.569.165.000	3.961.501.018	(9.339.063.863)	13.300.564.881
Chứng chỉ tiền gửi	212.062.939.500	212.062.939.500	-	-	-
	411.201.417.453	408.119.235.111	(3.082.182.342)	(10.613.749.781)	7.531.567.439

Bao gồm:

- *Lãi từ đánh giá lại* 14.009.493.766
- *Lỗ từ đánh giá lại* (6.477.926.327)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(c) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL, các khoản đầu tư HTM, TSTC AFS, các khoản cho vay và phải thu**

	2024 VND	2023 VND
Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ các TSTC ghi nhận theo FVTPL		
▪ Thu nhập từ cổ tức	11.691.720.336	6.771.531.133
Lãi từ các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
▪ Thu nhập lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	118.958.618.200	287.258.189.806
▪ Thu nhập lãi từ đầu tư trái phiếu	15.793.150.686	4.508.028.766
	134.751.768.886	291.766.218.572
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		
▪ Thu nhập lãi từ cho vay giao dịch ký quỹ	1.430.890.438.637	1.312.139.335.934
▪ Thu nhập lãi từ ứng trước tiền bán chứng khoán	123.437.141.902	122.265.776.942
	1.554.327.580.539	1.434.405.112.876
Lãi từ các tài sản tài chính AFS	481.648.013	739.629.500
	1.701.252.717.774	1.733.682.492.081

(d) Doanh thu không phải là thu nhập từ các TSTC

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	600.332.364.972	586.058.734.285
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	4.000.000.000
Doanh thu tư vấn nghiệp vụ đầu tư chứng khoán	10.659.908.733	7.949.010.456
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26.362.556.163	21.847.834.275
Thu nhập hoạt động khác	7.445.794.042	8.531.551.258
	644.800.623.910	628.387.130.274

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí quản lý công ty chứng khoán**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	113.446.594.668	73.418.787.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.875.513.081	29.515.096.698
Chi phí thuê văn phòng	9.517.721.117	10.098.068.433
Chi phí văn phòng phẩm	8.371.803.651	2.537.775.169
Chi phí khấu hao	3.598.061.131	2.182.128.318
Thuế, phí và lệ phí	4.364.896	3.000.000
Chi phí khác	9.525.491.390	5.999.651.796
	185.339.549.934	123.754.507.684

29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	162.671.541.828	130.856.693.117
Dự phòng thiếu trong những năm trước	554.460.345	13.000.000.000
	162.671.541.828	143.856.693.117
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Hoàn nhập và phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(115.227.716)	12.430.564.826
	162.556.314.112	156.287.257.943

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	821.544.162.379	722.597.653.226
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	164.308.832.476	144.519.530.645
Thu nhập không bị tính thuế	(2.434.673.670)	(1.354.306.227)
Chi phí không được khấu trừ thuế	206.379.694	122.033.525
Dự phòng thiếu những năm trước	475.775.612	13.000.000.000
	162.556.314.112	156.287.257.943

(c) Thuế suất áp dụng

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ		
Mirae Asset Securities (HK) Limited		
Phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	82.928.434.599	134.126.835.425
Chia cổ tức	79.450.000.000	79.450.000.000
Các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính Số Vina		
Phí dịch vụ	7.291.537.400	9.826.434.415
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)		
Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư HTM	1.887.671.233	1.208.127.053
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)		
Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	1.528.986.504	1.043.817.291
Chi phí tư vấn	395.106.923	-
Lương và thù lao của Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Lương, thưởng và phụ cấp khác	5.673.060.663	5.244.914.331

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B09 – CTCK
*(Ban hành theo Thông tư số 33/2016/TT-BTC
ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)*

Công ty có các số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty mẹ		
<i>Mirae Asset Securities (HK) Limited</i>		
Trả trước phí bảo lãnh cho các khoản đi vay	82.928.434.599	25.305.260.845
Cổ tức phải trả	158.900.000.000	173.701.643.836
Phải thu khác	1.483.459.560	1.484.957.760
Các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất		
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam		
Đầu tư dài hạn khác	572.618.000	572.618.000
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính Số Vina		
Phải trả khác	75.542.371.843	130.000.000.000
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)		
Vay ngắn hạn	300.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả khác	6.349.315.068	11.112.328.767
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)		
Phải thu khác	135.788.377	90.594.154
Phải trả khác	140.406.438	-

31. Các cam kết

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Dưới một năm	57.663.642.020	48.194.314.070
Từ một đến năm năm	94.469.303.796	35.737.267.519
	152.132.945.816	83.931.581.589

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B09 – CTCK***(Ban hành theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC**ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính)***(b) Cam kết theo Hợp đồng tương lai**

Vị thế mở đối với các hợp đồng tương lai tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng mở	Tại ngày 31/12/2024		Vị thế mở VND
				Giá thanh toán cuối ngày	Hệ số nhân	
VN30F2501	22/11/2024	16/1/2025	1.004	1.345,5	100	135.088.200.000

Mã hợp đồng	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng mở	Tại ngày 1/1/2024		Vị thế mở VND
				Giá thanh toán cuối ngày	Hệ số nhân	
VN30F2401	17/11/2023	18/1/2024	800	1.134,6	100	90.768.000.000

(c) Cam kết theo hợp đồng kỳ hạn tiền tệ

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản cam kết theo hợp đồng kỳ hạn tiền tệ để phòng ngừa rủi ro tỷ giá như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Cam kết giao dịch kỳ hạn tiền tệ	10.880.660.600.000	8.757.305.000.000

32. Thông tin so sánh

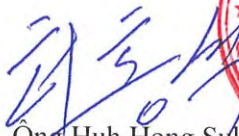
Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:


Bà Cao Thị Bảo Lê
Kế toán trưởng
Ông Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính
Ông Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc

Số/No.: 122/2025/CV-MASHCM
V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế
Ref: Explanation on the difference of PAT FY2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TPHCM, ngày 28 tháng 03 năm 2025
HCMC, 28 Mar 2025

Kính gửi/Tô:

- Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước- SSC
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam – VNX
- Ủy Ban Giám Sát Tài Chính Quốc Gia-NFSC

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 thay thế 155/2015/TT-BTC (“TT155”) ngày 06/10/2015 hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“**Công ty**”) xin giải trình như sau:

According to Clause 4 Article 14 of Circular 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 replaces Circular No. 155/2015/TT-BTC dated 6 October 2015 on providing guidelines for information disclosure on securities market, Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC (“**Company**”) hereby explains as follows:

Công ty xin giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024 so với báo cáo cùng kỳ năm ngoái như sau:

The Company provides explanations for the difference on profit after corporate income tax as mentioned in audited financial statement for the year end of 31 December 2024 compared with in the same period of the last year as below:

Chỉ tiêu/ Description	Y2024	Y2023	Chênh lệch Difference
Doanh thu hoạt động/ Revenue	2.534.597.758.145	2.497.794.617.677	
Chi phí hoạt động/ Operating expenses	(1.528.105.196.676)	(1.651.730.494.059)	
Chi phí quản lý/General and Administration expenses	(185.339.549.934)	(123.754.507.684)	
Lãi/lỗ từ hoạt động khác/Other income and expenses	391.150.844	288.037.292	
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	821.544.162.379	722.597.653.226	
Thuế TNDN / Income Tax expenses	(162.556.314.112)	(156.287.257.943)	
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	658.987.848.267	566.310.395.283	
Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán/Profit (Loss) from revaluation of AFS	30.856.028.244	17.553.463.660	
Lợi nhuận sau thuế và Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN Profit after tax and other comprehensive profit/(loss) after tax	689.843.876.511	583.863.858.943	18%

Nguyên nhân chủ yếu là từ:
The main reasons is due to:

- Doanh thu của từ các hoạt động cho vay và phải thu tăng so với cùng kỳ;
Revenue from financing and receivables increased compared to the same period last year;
- Chi phí cho các khoản vay giảm so với cùng kỳ;
Borrowing expenses decreased compared to the same period last year ;
- Các chỉ tiêu khác không thay đổi đáng kể
Other items changed insignificantly

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) xin báo cáo để Quý cơ quan được biết.
Mirae Asset Securities (Viet Nam) Joint Stock Company informs for your information.

Trân trọng,
Yours faithfully,

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Khang Moon Kyung
Tổng Giám đốc/General Director

